TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HẢI CHÂU** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*Số: **254**/2019/QĐST-HNGĐ*	*Hải Châu, ngày 06 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 248/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Phan Thị Thu H1** - Sinh năm 1968.
- Ông **Trần Đại H2** - Sinh năm 1970.

Cùng trú tại: H57/12 K149 đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 tự nguyện kết hôn vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 884, quyển số 01, hôn nhân tự nguyện là hợp pháp, các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 xác định có 04 con chung tên là Trần Phan Kim H3 – sinh ngày 27.11.1991, Trần Đại Q – sinh

ngày 02.8.1998, Trần Phan Kim N1 – sinh ngày 02.01.2001 và Trần Phan Kim N2 – sinh ngày 22.8.2003.

Ly hôn, ông bà thống nhất thỏa thuận giao con chung Trần Phan Kim N2 cho bà Phan Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Đại H2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các con chung Trần Phan Kim H3, Trần Đại Q, Trần Phan Kim N1 đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như trên của bà H1 và ông H2 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 thống nhất không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 thống nhất thỏa thuận như sau: Giao con chung Trần Phan Kim N2 – sinh ngày 22.8.2003 cho bà Phan Thị Thu H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Đại H2 không phải cấp dưỡng nuôi con. Các con chung Trần Phan Kim H3 – sinh ngày 27.11.1991, Trần Đại Q – sinh ngày 02.8.1998, Trần Phan Kim N1 – sinh ngày 02.01.2001 đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007396 ngày 23.8.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu,

thành phố Đà Nẵng. Bà Phan Thị Thu H1 và ông Trần Đại H2 đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu*
- *UBND phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 884, quyển số 01/1990;*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Thảo